



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Cấp thoát nước Phú Yên

Ngày 30/09/2025	14,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	17.2%	18.1%

DT thuần Q3/25
36.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.40 4.0%
YoY: ▼0.50 -1.3%

LN thuần Q3/25
8.04
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.13 36.1%
YoY: ▼2.96 -26.9%

LN sau thuế Q3/25
7.21
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.88 35.4%
YoY: ▼2.99 -29.3%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
23.4%
YoY: +/-▲ 5.0%

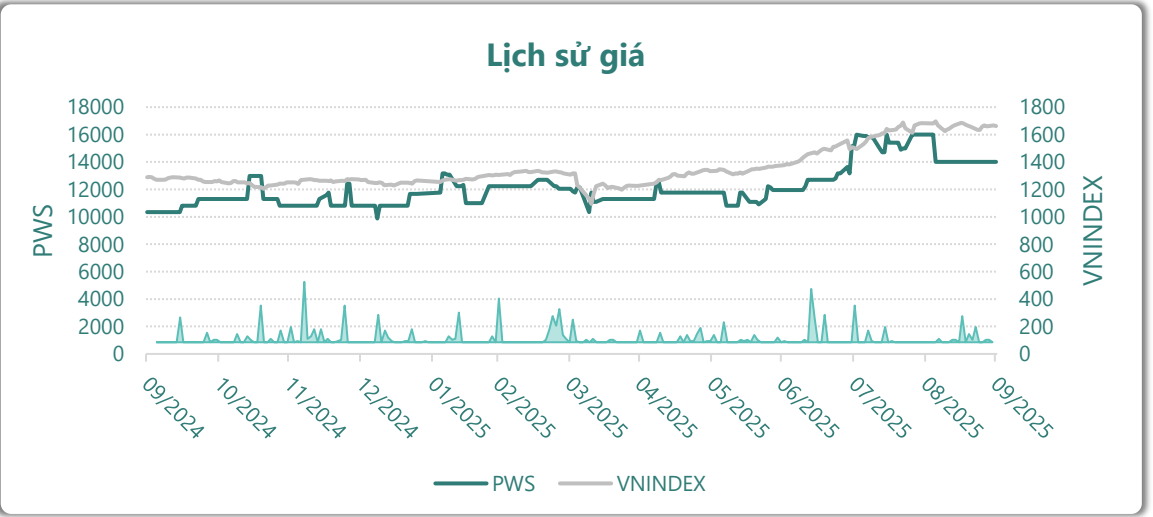
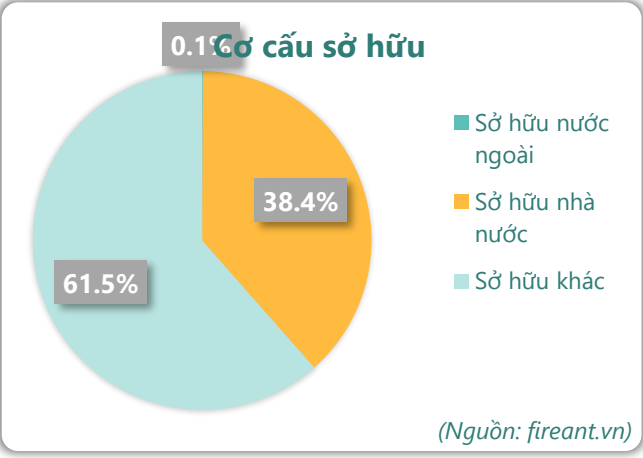
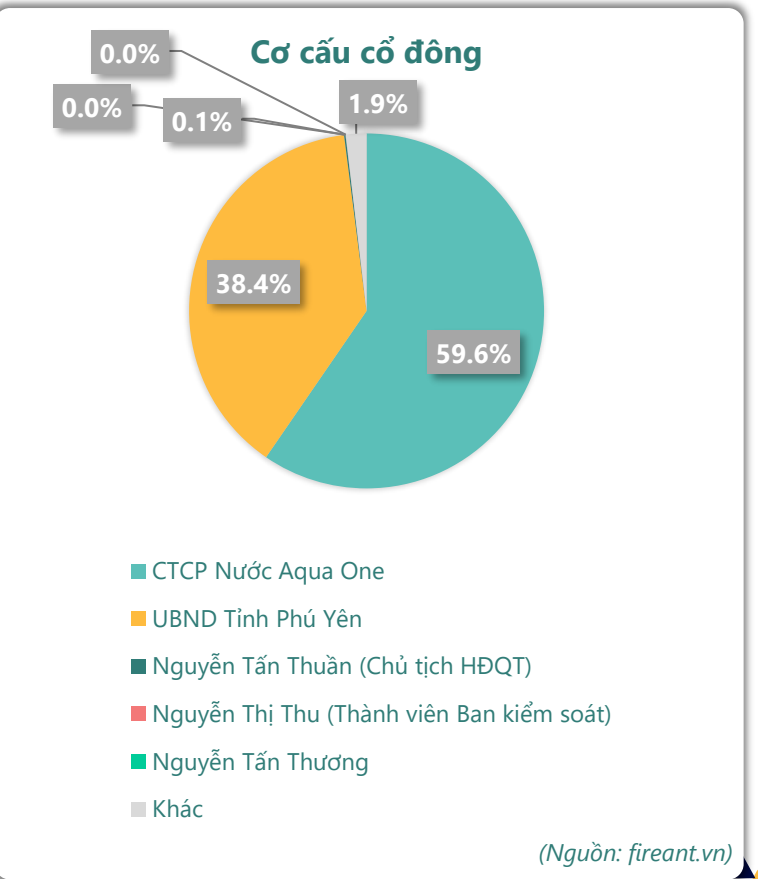
ROE (TTM) Q3/25
5.7%
YoY: +/-▼ 0.5%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	9,879 - 16,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	537
Số lượng CPLH (CP)	38,363,579
KLGD BQ 20 phiên (CP)	165
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.12
EPS	638
P/E	21.9

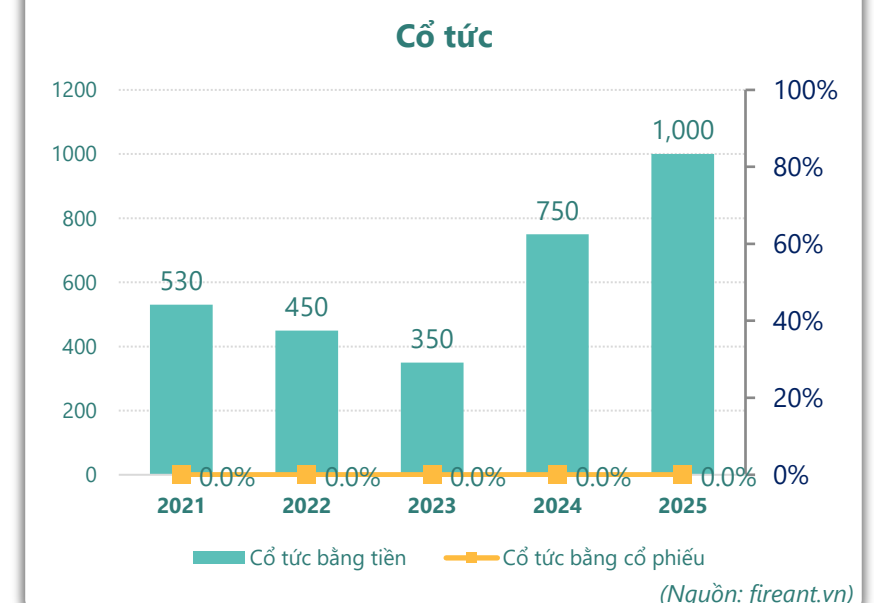
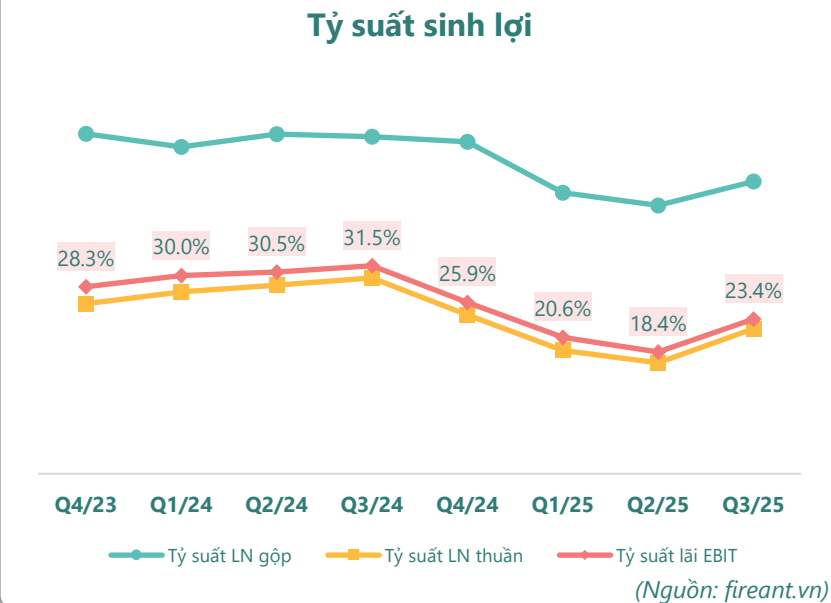
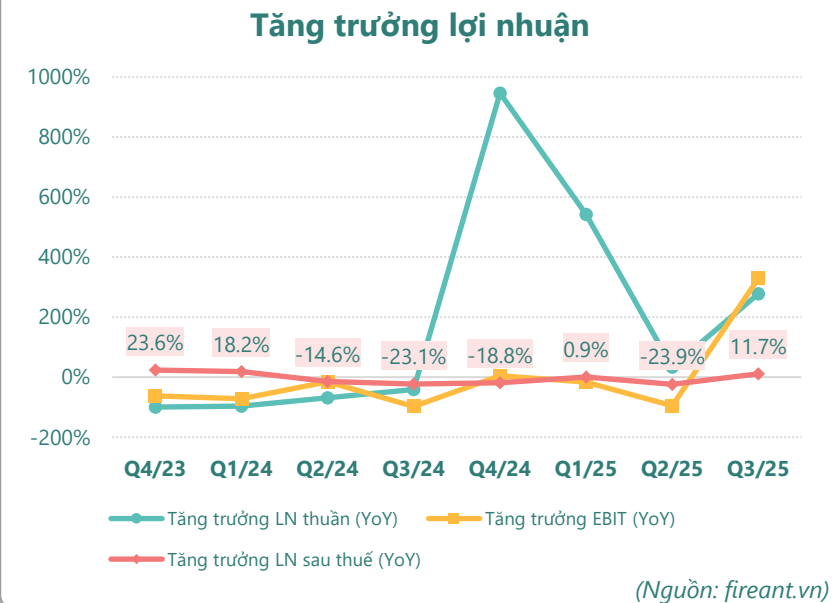
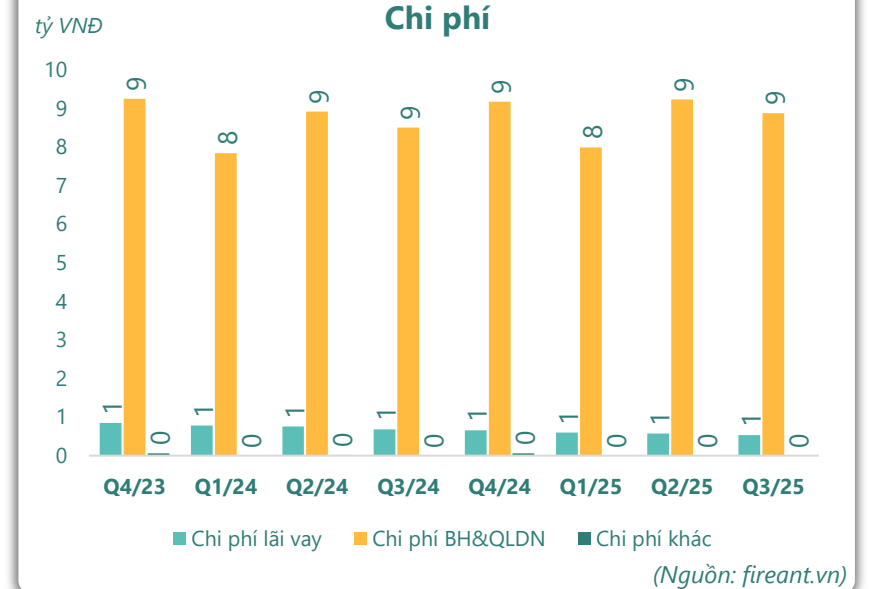
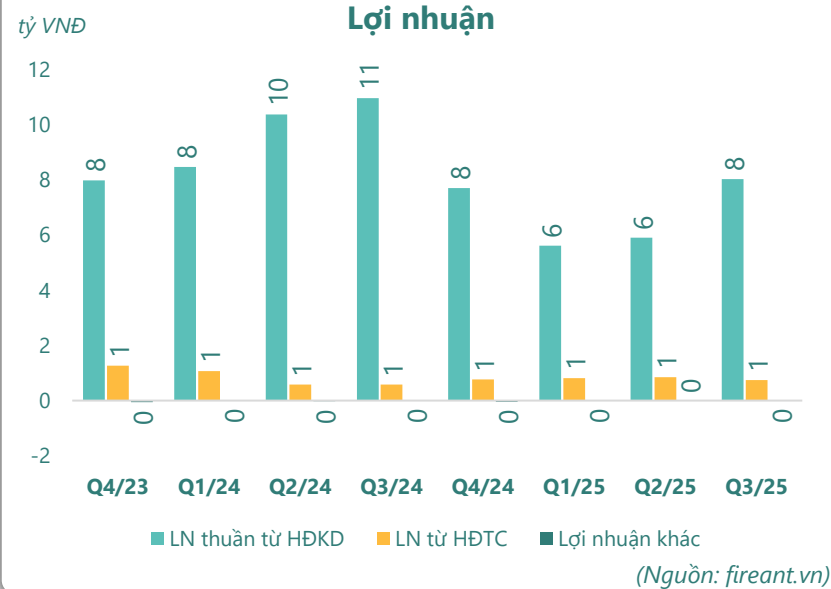
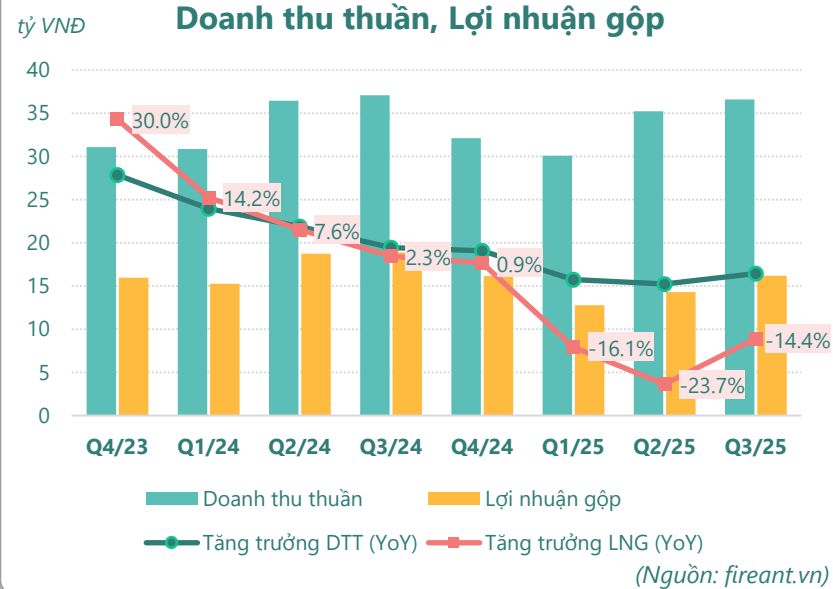
DT thuần 9T 2025
102
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.00 -2.3%

LN thuần 9T 2025
19.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼10.2 -34.4%

LN sau thuế 9T 2025
17.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼10.2 -36.8%



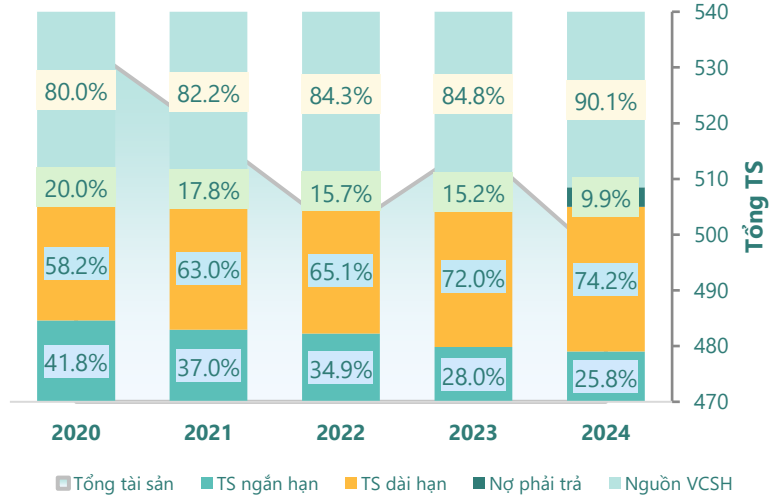
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

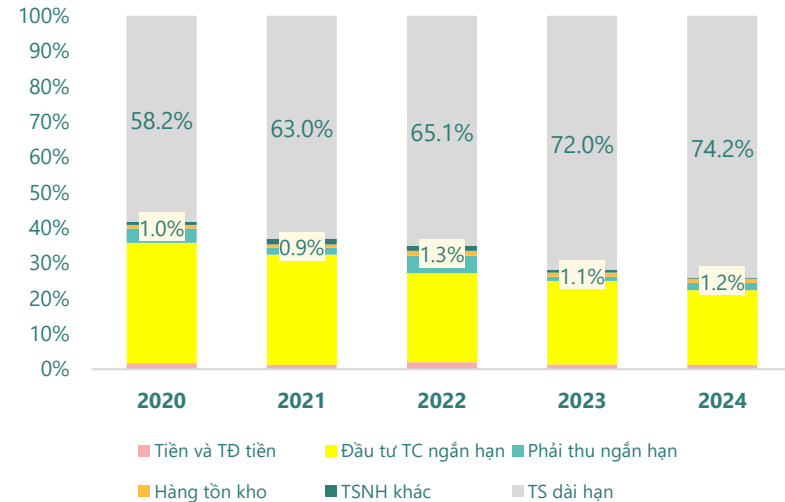
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

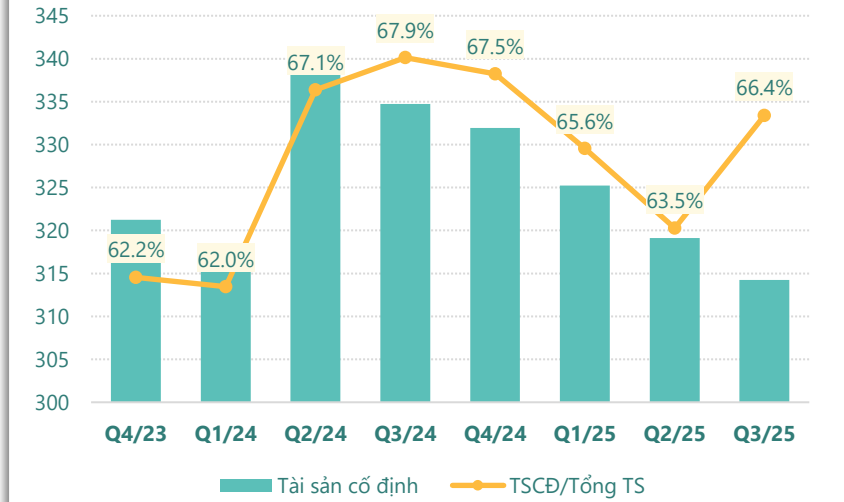
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

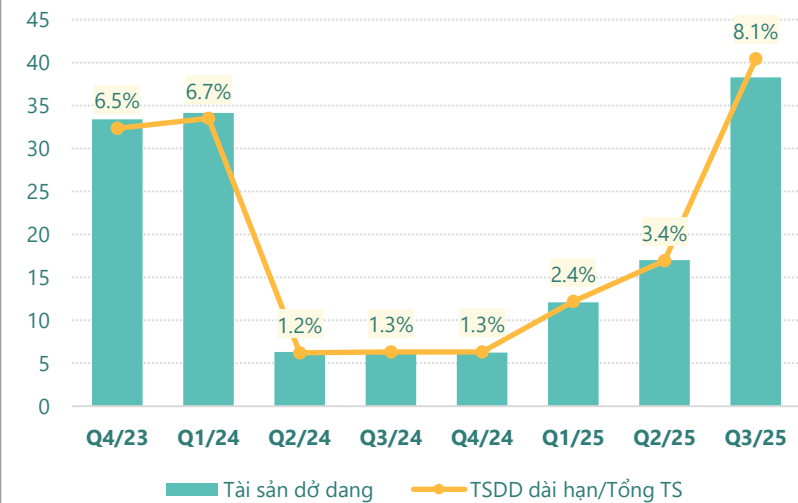
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

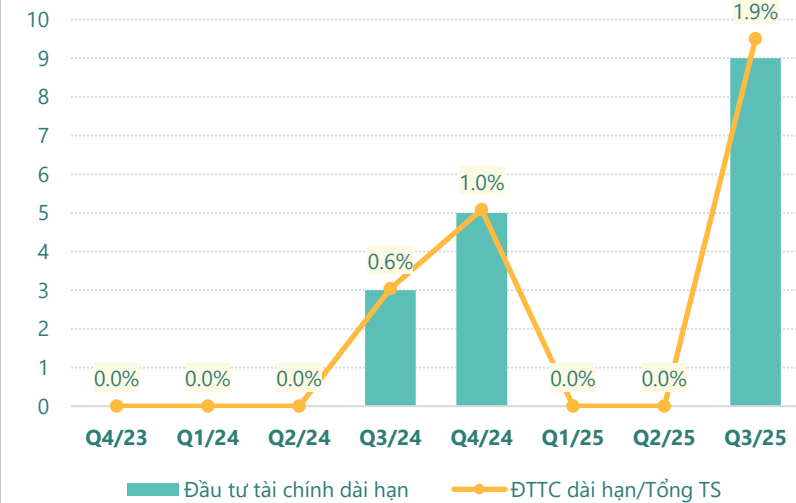
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

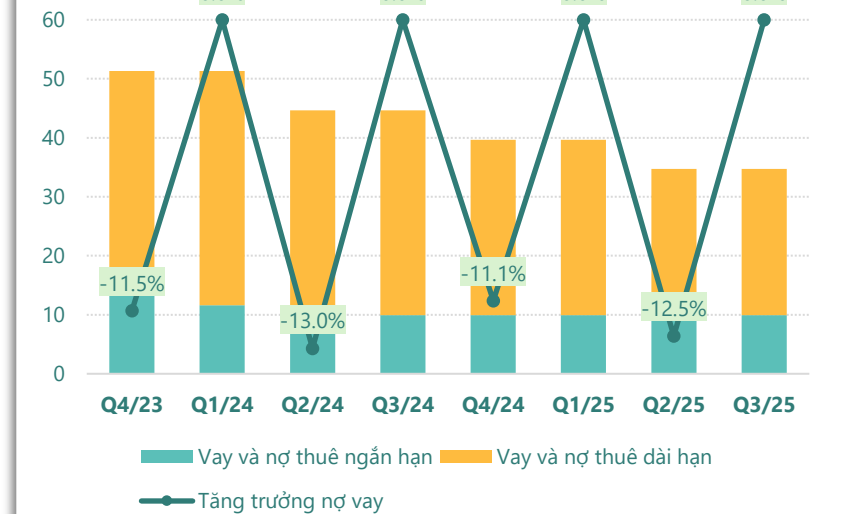
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

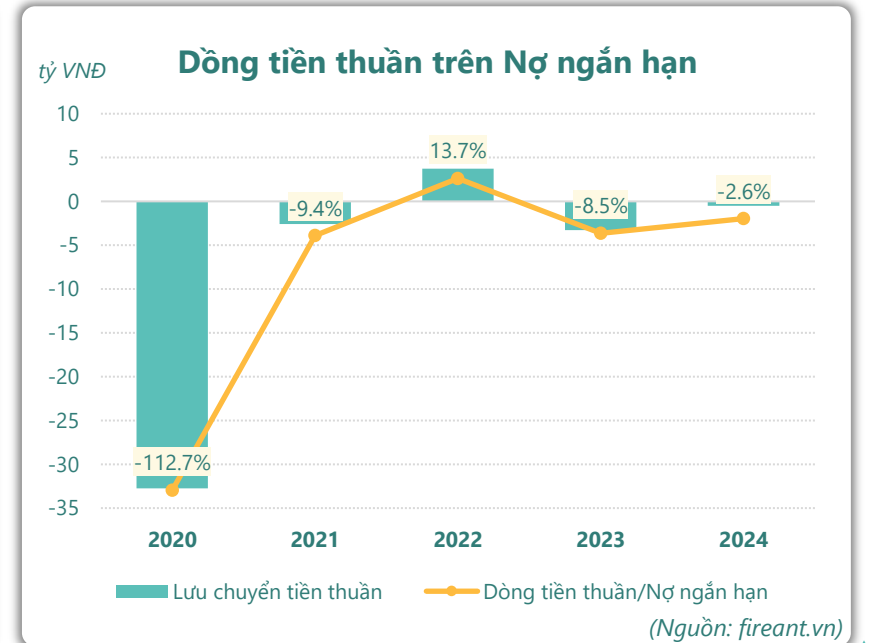
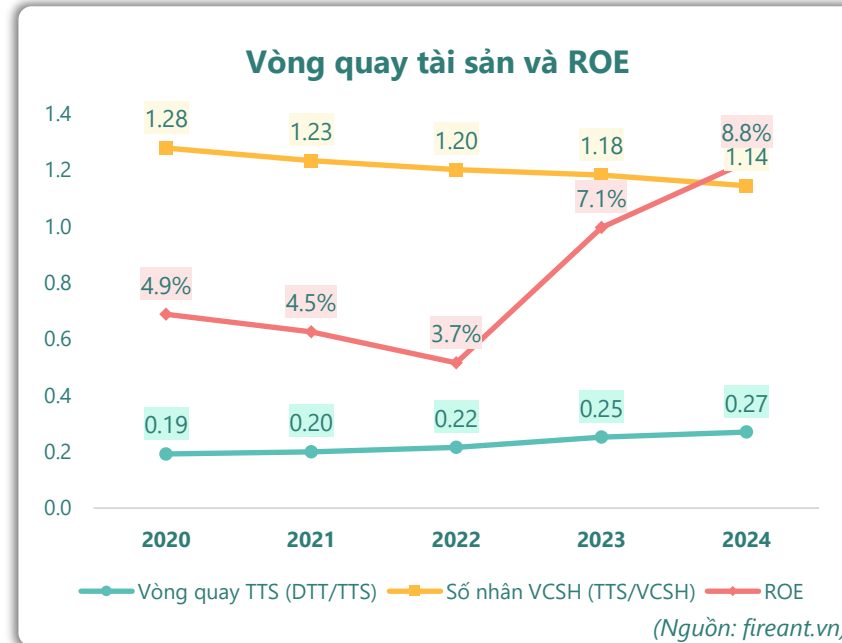
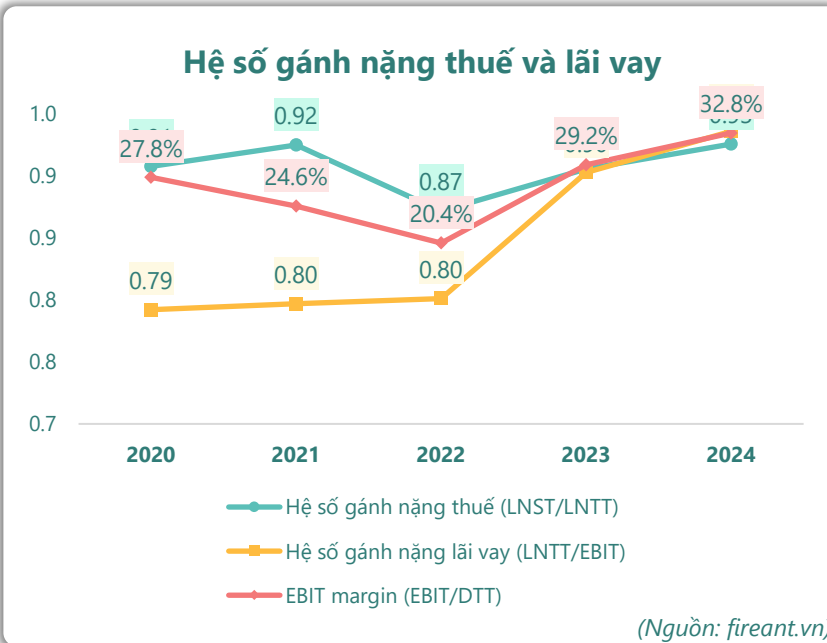
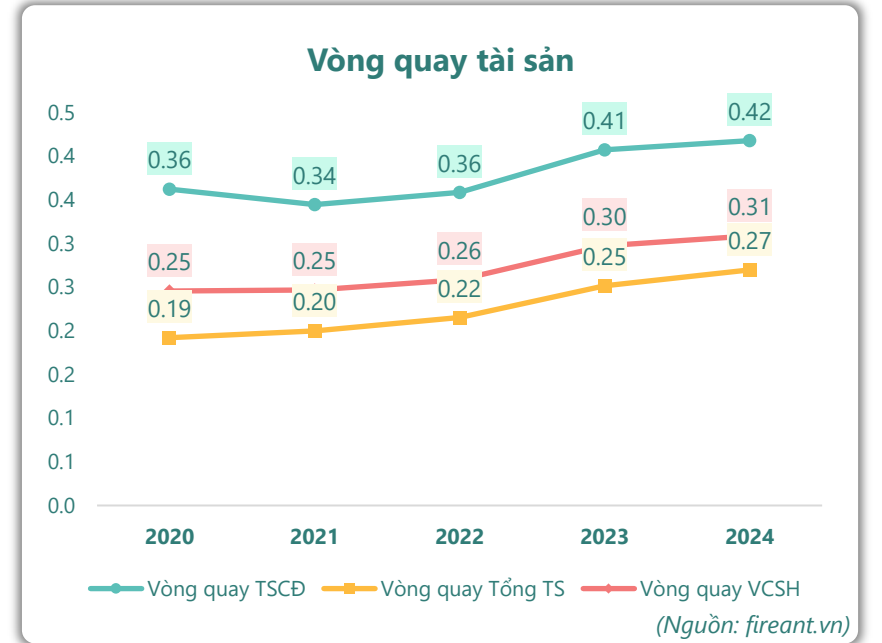
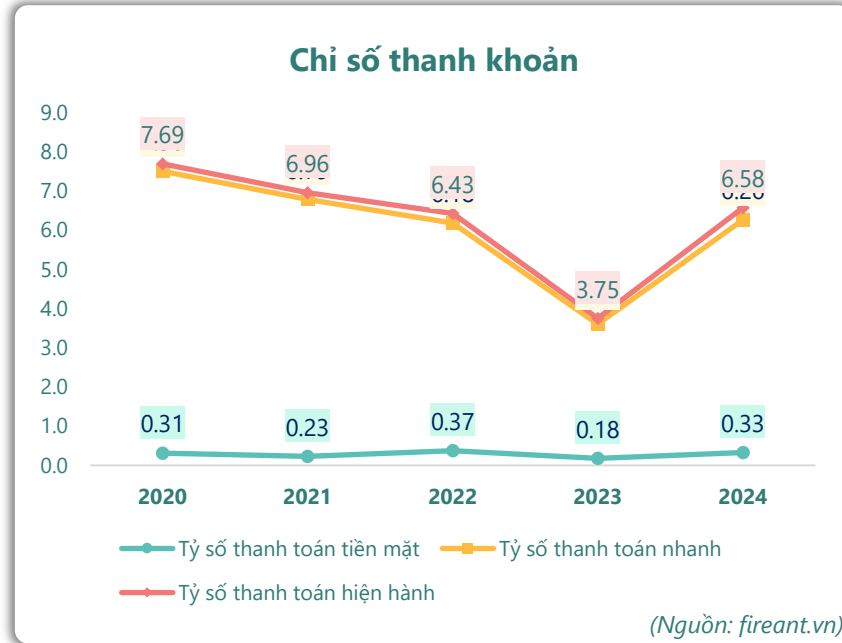
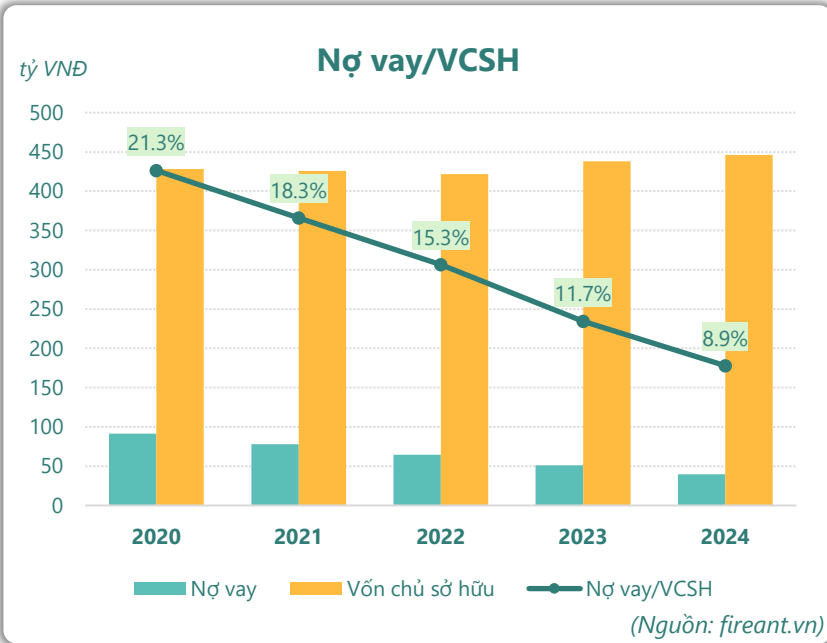
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	36.6	37.1	-1.3%	102	104	-2.3%
Giá vốn hàng bán	20.4	18.2	12.2%	58.6	51.5	13.9%
Lợi nhuận gộp	16.2	18.9	-14.4%	43.3	52.9	-18.2%
Doanh thu HĐTC	1.27	1.26	1.1%	4.11	4.45	-7.6%
Chi phí TC	0.53	0.68	-21.7%	1.70	2.22	-23.2%
Chi phí lãi vay	0.53	0.68	-21.7%	1.70	2.22	-23.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	5.86	4.99	17.4%	17.4	13.5	28.6%
Chi phí QLDN	3.02	3.52	-14.1%	8.74	11.8	-25.7%
LN thuần từ HĐKD	8.04	11.0	-26.9%	19.6	29.8	-34.4%
Lợi nhuận khác	0.00	0.00		0.00	-0.03	81.0%
LN trước thuế	8.04	11.0	-26.9%	19.6	29.8	-34.4%
Lợi nhuận sau thuế	7.21	10.2	-29.3%	17.4	27.6	-36.8%
LNST của CĐ cty mẹ	7.21	10.2	-29.3%	17.4	27.6	-36.8%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	12.9	21.6	9.22	13.5	14.0	16.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	8.46	-6.93	-2.43	-2.05	-12.9	10.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.67	-28.8	-4.97	0	-4.96	-38.3
Tiền đầu kỳ	3.87	18.6	4.56	6.38	17.8	13.9
Lưu chuyển tiền thuần	14.7	-14.0	1.82	11.4	-3.88	-11.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	18.6	4.56	6.38	17.8	13.9	2.40

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	473	495	-4.5%
Tài sản ngắn hạn	88.0	128	-31.3%
Tiền và tương đương tiền	2.40	6.38	-62.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	65.8	105	-37.0%
Phải thu ngắn hạn	11.4	10.0	13.8%
Hàng tồn kho	7.35	6.11	20.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.98	0.98	0.5%
Tài sản dài hạn	385	367	4.9%
Phải thu dài hạn	1.65	1.65	0.0%
Tài sản cố định	314	332	-5.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	38.3	6.22	516%
Đầu tư tài chính dài hạn	9.00	5.00	80.0%
Tài sản dài hạn khác	22.0	22.5	-2.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	48.9	49.2	-0.7%
Nợ ngắn hạn	24.1	19.5	23.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	9.92	9.92	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.69	2.88	-41.3%
Nợ dài hạn	24.8	29.8	-16.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	24.8	29.8	-16.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	424	446	-4.9%
Vốn chủ sở hữu	424	446	-4.9%
Vốn điều lệ	384	384	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

